

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN NINH HẢI
TỈNH NINH THUẬN**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 05/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 31-3-2022.

V/v: *Ly hôn, tranh chấp về nuôi con.*

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN NINH HẢI - TỈNH NINH THUẬN**

-Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vân Thị Thu Sang.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Phạm Xuân Thành và bà Huỳnh Thị Bích Nhung.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Bá Đức - Cán bộ Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Ninh Hải tham gia phiên tòa:
Bà Nguyễn Thị Cảnh – Kiểm sát viên.

Ngày 31 tháng 3 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 185/2021/TLST-HNGĐ ngày 12/10/2021 về việc tranh chấp "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 02/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 16/02/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 01/2022/QĐST-HNGĐ ngày 10/3/2022 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà **Trần Thị Tr** - sinh năm: 1990 (có mặt).

Địa chỉ: Thôn A H, xã X H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

- Bị đơn: Ông **Lê Văn Ch** - sinh năm: 1989 (có mặt)

Địa chỉ: Thôn A H, xã X H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, biên bản lấy lời khai và tại phiên tòa nguyên đơn bà Trần Thị Tr trình bày:

Bà và ông Lê Văn Ch tiến đến hôn nhân hoàn toàn tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X H, huyện Ninh Hải, tỉnh Ninh Thuận cấp Giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 31/5/2013. Vợ chồng có 03 con chung là các cháu Lê Thị Như Q – sinh ngày 28/3/2009, Lê Thị Yến Nh – sinh ngày 05/02/2011 và Lê An B – sinh ngày 13/9/2014.

Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung của vợ chồng không hạnh phúc, ông Ch thường xuyên cờ bạc, rượu chè, nợ nần...bà đã khuyên nhủ nhiều lần nhưng ông Ch vẫn không thay đổi dẫn đến vợ chồng thường xuyên cãi nhau. Ông Ch đánh đập bà nhiều lần và còn đập phá đồ đạc trong nhà. Vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Vì tình cảm vợ chồng không còn nên bà yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông Lê Văn Ch.

Về con chung: Quá trình giải quyết vụ án, bà yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung, không yêu cầu ông Ch cấp dưỡng nuôi con. Bà làm công nhân công ty may, thu nhập khoảng 7.000.000 đồng/tháng. Ông Ch làm nghề tự do, thu nhập không ổn định. Tại phiên tòa bà trình bày việc cấp dưỡng cho các con hay không là do ông Ch tự quyết định.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Trong biên bản lấy lời khai, biên bản hòa giải và tại phiên tòa sơ thẩm bị đơn ông Lê Văn Ch trình bày:

Ông đồng ý với trình bày của bà Tr về hôn nhân và con chung. Giữa ông và bà Tr có xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, ông có chơi cờ bạc nhiều lần, thỉnh thoảng có uống rượu, vợ chồng có cãi vã nhau. Từ lúc sống chung đến nay, ông có đánh vợ 04 đến 05 lần. Ông và bà Tr đã sống ly thân từ tháng 7/2021 đến nay, mỗi người sống một nơi, bà Tr về nhà cha mẹ đẻ ở thôn A H, xã X H sinh sống. Nay tình cảm dành cho bà Tr vẫn còn nên ông không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Nếu Tòa giải quyết cho ly hôn, ông có nguyện vọng nuôi dưỡng các con. Tuy nhiên nếu các cháu Lê Thị Như Q, Lê Thị Yến Nh và Lê An B muốn ở với bà Tr thì ông cũng đồng ý để cho bà Tr nuôi dưỡng. Tại phiên tòa, ông đồng ý cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/03 con.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Từ khi thụ lý vụ án đến nay, Thẩm phán, Thư ký, Nguyên đơn, Bị đơn đều tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Tại phiên tòa hôm nay HĐXX đúng thành phần, xét xử đảm bảo đúng quy định của pháp luật.

Về việc giải quyết vụ án: đề nghị HĐXX chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr. Về con chung: Giao 03 con chung cho bà Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng; Ông Lê Văn Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/03 con.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, lời trình bày và kết quả tranh tụng tại phiên tòa, ý kiến của Kiểm sát viên, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

Căn cứ vào đơn khởi kiện và các tài liệu chứng cứ kèm theo, xác định quan hệ pháp luật tranh chấp trong vụ kiện này là: “Ly hôn, tranh chấp nuôi con”, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Ninh Hải theo quy định tại các điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu khởi kiện của Nguyên đơn, HĐXX thấy rằng:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân:

Bà Trần Thị Tr và ông Lê Văn Ch kết hôn là do tự nguyện, có đăng ký kết hôn và được Ủy ban nhân dân xã X H, huyện Ninh Hải cấp giấy chứng nhận kết hôn số 100 ngày 31/5/2013, theo quy định của pháp luật đây là hôn nhân hợp pháp.

Bà Tr trình bày: quá trình chung sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, cuộc sống chung không hạnh phúc, ông Ch thường uống rượu say về đánh đập bà...Lời trình bày của bà Tr phù hợp với biên bản xác minh ngày 08/12/2021 tại địa phương (BL 32). Tại phiên tòa, ông Ch thừa nhận có chơi cờ bạc nhiều lần, có rượu chè, có đánh bà Tr 04 đến 05 lần, có lần còn cầm dao dí vào cổ bà Tr để hù dọa, ông và bà Tr đã sống ly thân từ tháng 7 năm 2021 đến nay, mạnh ai người đó sống... nhưng ông vẫn có nguyện vọng đoàn tụ. Phía bà Tr vẫn cương quyết ly hôn. HĐXX thấy rằng tình trạng hôn nhân giữa bà Tr và ông Ch đã trầm trọng, đời sống chung không thể

kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ vào khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Tr.

[2.2] Về con chung: bà Trần Thị Tr yêu cầu được nuôi 03 con chung, cấp dưỡng nuôi con hay không là do ông Ch tự quyết định.

Tại phiên tòa ông Ch trình bày: nếu các cháu có nguyện vọng ở với mẹ thì ông đồng ý giao con cho bà Tr nuôi, ông cấp dưỡng 2.000.000 đồng/tháng/03 con; cụ thể: cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Như Q 600.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Yến Nh và Lê An B mỗi cháu 700.000 đồng/tháng.

Xét thấy: Các cháu Lê Thị Như Q, Lê Thị Yến Nh và Lê An B đều có nguyện vọng ở với mẹ. Bà Tr có việc làm và thu nhập ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền lợi về mọi mặt cũng như sự phát triển bình thường về thể chất, tinh thần cho các cháu nên HĐXX quyết định giao các cháu cho bà Tr trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục. Ông Ch cấp dưỡng nuôi con với mức 2.000.000 đồng/tháng/03 con.

[2.3] Về tài sản chung, nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết.

[3] Từ những phân tích, đánh giá chứng cứ như trên, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; chấp nhận toàn bộ ý kiến của Kiểm sát viên phát biểu tại phiên tòa.

[4] Về án phí: các đương sự phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.
Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Khoản 1 Điều 56, Điều 81, Điều 82, Điều 83 Luật Hôn nhân và Gia đình; Khoản 4 Điều 147 Bộ luật Tố tụng Dân sự; khoản 5, khoản 6 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Trần Thị Tr.

1. Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thị Tr được ly hôn với ông Lê Văn Ch.
2. Về con chung: Bà Trần Thị Tr có quyền và nghĩa vụ trực tiếp nuôi dưỡng 03 con chung là cháu Lê Thị Như Q – sinh ngày 28/3/2009, Lê Thị Yến Nh – sinh ngày 05/02/2011 và Lê An B – sinh ngày 13/9/2014. Ông Lê Văn Ch có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung với số tiền 2.000.000 đồng/tháng/03 con; cụ thể: cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Như Q 600.000 đồng/tháng, cấp dưỡng cho cháu Lê Thị Yến Nh và Lê An B mỗi cháu 700.000 đồng/tháng.

Thời gian cấp dưỡng kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật đến khi con chung đủ 18 tuổi, lao động tự túc được.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom con để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành án thì phải chịu lãi đối với số tiền chậm thi hành án theo lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án tại thời điểm thanh toán.

3. Về án phí:

Bà Trần Thị Tr phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) theo biên lai số 0003178 ngày 06/10/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Ninh Hải. Bà Tr đã nộp đủ án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm

Ông Lê Văn Ch phải chịu 300.000^d (ba trăm ngàn đồng) án phí dân sự sơ thẩm (về cấp dưỡng).

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 của Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai, sơ thẩm có mặt nguyên đơn, bị đơn, quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- TAND tỉnh Ninh Thuận;
- VKSND huyện Ninh Hải;
- THA dân sự huyện Ninh Hải;
- UBND xã X H;
- Lưu (hồ sơ, án văn)/.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Vân Thị Thu Sang

